

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 33/2001/QĐ-BCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Về việc ban hành tạm thời Bảng hệ số điều chỉnh đơn giá dự toán không tính khấu hao tài sản cố định cho công tác điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30 mét nước) tỷ lệ 1/100.000-1/50.000

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 77/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu từ 180.000 đồng/ tháng lên 210.000 đồng/ tháng đối với các đối tượng hưởng lương và phụ cấp từ nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2001/QĐ-BCN ngày 15 tháng 02 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành tạm thời Định mức tổng hợp và đơn giá dự toán không tính khấu hao tài sản cố định cho công tác điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30 mét nước) tỷ lệ 1/100.000-1/50.000;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh đơn giá dự toán cho công tác điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30 mét nước) tỷ lệ 1/100.000-1/50.000 đối với các mức giá đã được ban hành tại Quyết định số 07/2001/ QĐ-BCN ngày 15 tháng 02 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Điều 2. Bảng hệ số điều chỉnh đơn giá dự toán này được sử dụng cùng với các đơn giá dự toán tại Quyết định số 07/2001/QĐ-BCN ngày 15 tháng 02 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp để lập và thẩm tra các đề án địa chất, lập kế hoạch Ngân

sách, thanh quyết toán các bước địa chất và nhiệm vụ địa chất hoàn thành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

Quyết định này thay thế Quyết định số 28/ 2000/QĐ-BCN ngày 11 tháng 4 năm 2000 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành tạm thời Hệ số điều chỉnh đơn giá dự toán các công trình địa chất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính-Kế toán, Quản lý Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Tổ chức- Cán bộ, Pháp chế, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị địa chất và các đơn vị có thực hiện công tác điều tra địa chất và khoáng sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHI PHÍ DỰ TOÁN CHO MỘT THÁNG LÀM VIỆC ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN RẮN ĐỐI BIÊN NÔNG VEN BỜ (0-30M NƯỚC) TỶ LỆ 1/100.000– 1/150.000

Công việc lập bản đồ địa chất - khoáng sản

Đơn vị tính: đồng/tháng – tổ

STT	Khoản mục dự toán	Ngoài trời		Trong phòng	
		Ven bờ	Ngoài khơi	Lập đề cương và chuẩn bị thi công	Văn phòng và tổng kết
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	5.697.362	10.054.563	11.851.509	12.005.659
I	Chi phí tiền lương	3.176.113	5.709.310	7.699.276	7.699.276
1	Lương cấp bậc	1.817.280	3.214.080	5.250.240	5.250.240
	- Cán bộ kỹ thuật	1.536.480	2.371.680	5.250.240	5.250.240
	- Công nhân	280.800	842.400		
2	Các khoản phụ cấp	945.500	1.767.740	1.4158.800	1.4158.800
	- Cán bộ kỹ thuật	774.860	1.255.820	1.4158.800	1.4158.800
	- Công nhân	170.640	511.920		
3	Lương phụ	413.333	727.490	1.033.236	1.033.236

	- Cán bộ kỹ thuật (15,5%)	358.258	562.263	1.033.236	1.033.236
	- Công nhân (12,2%)	55.076	165.227		
II	Trích BHXH, BHYT, CĐ	603.462	1.084.769	1.462.862	1.462.862
	Tổng lương trực tiếp	3.779.575	6.794.078	9.162.139	9.162.139
III	Vật liệu	552.719	1.082.2558	160.830	314.980
IV	Hao mòn dụng cụ vật rẻ tiền	238.355	185.498	480.947	480.947
V	Chi phí phục vụ	1.126.714	1.992.730	2.047.594	2.047.594
	Trong đó lương và bảo hiểm	394.350	697.455	716.658	716.658
B	CHI PHÍ GIÁN TIẾP	1.167.389	2.060.180	2.428.374	2.459.959
	Trong đó lương và bảo hiểm	341.934	762.267	898.498	910.185
C	BDDĐ + NƯỚC NGỌT + BH ĐI BIỂN	2.127.224	4.629.840		
	Tổng chi phí (A+B+C)	8.991.975	16.744.583	14.279.883	14.465.618
	Tổng lương và BAN HÀNH	4.605.859	8.253.800	10.777.295	10.788.981
D	Tỷ trọng tiền lương và BH	0.5122	0.4929	0.7547	0.7458
E	Tỷ lệ tăng đơn giá (D x 0,458)	0.2346	0.2258	0.3457	0.3416
F	Hệ số tăng giá (E + 1)	1.235	1.226	1.346	1.342

CHI PHÍ DỰ TOÁN CHO MỘT THÁNG LÀM VIỆC ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN RẪN ĐỚI BIỂN NÔNG VEN BỜ (0-30M NƯỚC) TỶ LỆ 1/100.000– 1/150.000

Công việc lập bản đồ địa thường các nguyên tố quặngchính

Đơn vị tính: đồng/tháng – tổ

--	--	--	--	--

STT	Khoản mục dự toán	Ngoài trời		Trong phòng	
		Ven bờ	Ngoài khơi	Lập đề cương và chuẩn bị thi công	Văn phòng và tổng kết
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	5.298.795	6.105.424	10.045.424	10.182.277
I	Chi phí tiền lương	2.936.948	3.478.113	6.492.463	6.492.463
1	<i>Lương cấp bậc</i>	1.679.040	1.959.840	4.410.720	4.410.720
	- Cán bộ kỹ thuật	1.398.240	1.398.240	4.410.720	4.410.720
	- Công nhân	280.800	561.600		
2	<i>Các khoản phụ cấp</i>	876.670	1.077.310	1.210.460	1.210.460
	- Cán bộ kỹ thuật	706.030	736.030	1.210.460	1.210.460
	- Công nhân	170.640	341.280		
3	<i>Lương phụ</i>	381.238	440.963	871.283	871.283
	- Cán bộ kỹ thuật (15,5%)	326.162	330.812	871.283	871.283
	- Công nhân (12,2%)	55.076	110.151		
II	Trích BHXH, BHYT, CĐ	558.020	660.842	1.233.568	1.233.568
	Tổng lương trực tiếp	3.494.968	4.138.955	7.726.031	7.726.031
III	Vật liệu	523.678	575.426	142.960	280.000
IV	Hao mòn dụng cụ vật rẻ tiền	239.145	175.943	456.066	456.066
V	Chi phí phục vụ	1.041.005	1.215.101	1.720.181	1.720.181
	Trong đó lương và bảo hiểm	364.352	425.285	602.063	602.063
B	CHI PHÍ GIÁN TIẾP	1.085.723	1.251.101	2.058.269	2.068.349

	Trong đó lương và bảo hiểm	401.718	462.871	761.560	771.949
C	BDDDB + NƯỚC NGỌT + BH ĐI BIỂN	2.002.093	2.627.747		
	Tổng chi phí (A+B+C)	8.386.611	9.984.172	12.103.506	12.268.626
	Tổng lương và BH	4.261.037	5.027.111	9.089.654	9.100.043
D	Tỷ trọng tiền lương và BH	0.5081	0.5035	0.7510	0.1417
E	Tỷ lệ tăng đơn giá (D x 0,458)	0.2327	0.2306	0.3440	0.3397
F	Hệ số tăng giá (E + 1)	1.233	1.231	1.344	1.340

**CHI PHÍ DỰ TOÁN CHO MỘT THÁNG LÀM VIỆC ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ ĐỊA CHẤT VÀ
KHOÁNG SẢN RẮN ĐỚI BIỂN NÔNG VEN BỜ (0-30M NƯỚC) TỶ LỆ 1/100.000– 1/150.000**

Công việc lập bản đồ vành phân tán trọng sa

Đơn vị tính: đồng/tháng – tổ

STT	Khoản mục dự toán	Ngoài trời		Trong phòng	
		Ven bờ	Ngoài khơi	Lập đề cương và chuẩn bị thi công	Văn phòng và tổng kết
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	4.867.501	5.615.336	8.067.822	8.177.172
I	Chi phí tiền lương	2.660.186	3.166.702	5.219.122	5.219.122
1	<i>Lương cấp bậc</i>	1.494.720	1.775.520	3.542.400	3.542.400
	- Cán bộ kỹ thuật	1.213.920	1.213.920	3.542.400	3.542.400
	- Công nhân	280.800	561.600		
2	<i>Các khoản phụ cấp</i>	821.370	992.010	976.320	976.320
	- Cán bộ kỹ thuật	650.730	650.730	976.320	976.320
	- Công nhân	170.640	341.280		